

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày: 25 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Phước Tân;
- Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn V (tên gọi khác: Vũ Bình D), sinh năm 1976; nơi sinh: Huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T (đã chết) và bà Lê Thị P (đã chết); anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; có vợ tên Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1973; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: Chưa.

Tiền sự: Ngày 08/6/2022, bị Công an xã K, huyện A xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” (đã nộp phạt).

Bị bắt, tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 28/7/2023. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/7/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn V1 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1978; nơi sinh: Huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B (đã chết) và bà Huỳnh Thị D1, sinh năm 1972; chị, em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ hai; có vợ tên Lưu Thị Kim T2, sinh năm 1981; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/9/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn K (tên gọi khác: Không), sinh năm 1986; nơi sinh: Huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh L, sinh năm 1962 (1964) và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1961; chị, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ ba; có vợ tên Trần Thị Mỹ T4, sinh năm 1994; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/9/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Minh N (tên gọi khác: Không), sinh năm 2000; nơi sinh: Huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật Giáo H; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T5, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1962; chị, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/9/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Duy K1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Ông Lý Văn C (Lý M), sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Ông Diệp Văn T6, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. Ông Phạm Văn H (T7), sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

5. Ông Trương Văn Đ (Đ1), sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp T, xã K, huyện

A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

6. Ông Võ Văn P1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1992 (vắng mặt).
2. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 18/9/2022 lực lượng Công an xã K phát hiện tụ điểm đánh bạc bằng hình thức đá gà qua mạng tại nhà Lê Văn V1 thuộc ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Lực lượng tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc và thu giữ: 43.460.000 đồng cùng các tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra xác định được:

Thông qua quan hệ quen biết nên ngày 16/9/2022, Lê Văn V, Lê Văn V1, Phạm Văn K và Lê Minh N thỏa thuận chung nhau góp tiền tổ chức “nhận thầu” đánh bạc “đá gà qua mạng” với vai trò cụ thể: V và K nhận kèo đánh bạc từ các “con bạc”, N đưa điện thoại và mở trang Web có các trận “đá gà qua mạng” để V và K theo dõi nhận kèo. Việc đánh bạc được thực hiện bằng cách các bên tham gia sẽ cùng truy cập vào trang Web chuyên phát trực tiếp các trận đá gà từ casino ở Campuchia để xem và tính kết quả thắng thua, các “con bạc” đặt cược thông qua hình thức trực tiếp và liên lạc qua số điện thoại của K (0354.048.890) tại nhà V1 (thuộc ấp A, xã K, huyện A). Trong ngày 16/9/2022, chưa có “con bạc” nào tham gia.

- Ngày 17/9/2022, cả nhóm nhận kèo đánh bạc từ các “con bạc”, nội dung đánh bạc cụ thể không xác định được. Đến cuối ngày tổng kết thắng được 2.800.000 đồng.

- Ngày 18/9/2022, cả nhóm sử dụng phần tiền thắng được 2.800.000 đồng làm vốn để tiếp tục tham gia đánh bạc. Trong ngày nhóm nhận đặt cược tổng cộng 22 trận, với các “con bạc” tham gia gồm: Lý Văn C (M), Diệp Văn T6, Phạm Văn H (T7), Võ Văn P1, Trương Văn Đ (Đoan), T8 (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể); số tiền các “con bạc” tham gia tổng cộng từng trận từ 500.000 đồng đến 3.600.000 đồng, cụ thể:

+ Trận 02: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 300.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 2.300.000 đồng.

+ Trận 03: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 300.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng, C đặt cược 200.000 đồng, P1 đặt cược 200.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 2.700.000 đồng.

+ Trận 07: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 300.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng, C đặt cược 300.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 2.600.000 đồng.

+ Trận 10: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 500.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng, C đặt cược 400.000 đồng, P1 đặt cược 100.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 3.000.000 đồng.

+ Trận 11: Đơn đặt cược 500.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng, C đặt cược 400.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 2.400.000 đồng.

+ Trận 13: Đơn đặt cược 500.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng, C đặt cược 400.000 đồng, P1 đặt cược 200.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 2.600.000 đồng.

+ Trận 14: Đơn đặt cược 500.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng, C đặt cược 300.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 2.300.000 đồng.

+ Trận 15: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 500.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng, C đặt cược 300.000 đồng, P1 đặt cược 200.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 3.000.000 đồng.

+ Trận 17: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 500.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng, C đặt cược 500.000 đồng, P1 đặt cược 200.000 đồng, Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 3.200.000 đồng.

+ Trận 18: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 500.000 đồng, T8 đặt cược 800.000 đồng, C đặt cược 500.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 2.300.000 đồng.

+ Trận 20: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 300.000 đồng, T8 đặt cược 1.500.000 đồng, C đặt cược 400.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 2.700.000 đồng.

+ Trận 21: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 300.000 đồng, T8 đặt cược 700.000 đồng, C đặt cược 400.000 đồng, T6 đặt cược 1.000.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 2.900.000 đồng.

+ Trận 22: Đơn đặt cược 500.000 đồng, H đặt cược 300.000 đồng, T8 đặt cược 1.100.000 đồng, C đặt cược 500.000 đồng, P1 đặt cược 200.000 đồng, T6 đặt cược 1.000.000 đồng. Tổng số tiền các “con bạc” tham gia là 3.600.000 đồng.

Ngoài ra còn xác định được:

Ngày 08/6/2022, Lê Văn V bị Công an xã K, huyện A xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Ngày 12/7/2022, Lê Văn V tham gia đá gà được thua bằng tiền với nhóm của Nguyễn Duy K1 tại khu vực bãi khô (thuộc ấp A, xã K, huyện A) với tổng số tiền 2.400.000 đồng (Lê Văn V tham gia đặt cược 600.000 đồng).

Ngày 14/11/2022, Lê Văn V bị khởi tố điều tra về hành vi đánh bạc phát hiện ngày 12/7/2022; đến ngày 18/11/2023, Lê Văn V tiếp tục bị khởi tố điều tra về hành vi đánh bạc phát hiện ngày 18/9/2023.

Ngày 24/9/2023, Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N bị khởi tố điều tra.

Vật chứng vụ án: 01 (một) tờ giấy vỏ thuốc Hero có ghi tên người đặt cược đá gà và số tiền cược; 01 (một) tờ giấy vỏ thuốc Jet có ghi tên người và kết quả cá cược đá gà; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A16 màu xanh, số seri SW5TIRHMW8DAE6QG (của Lê Minh N); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu hồng, số seri CY9TS4H699999999 và 01 điện thoại hiệu OPPO A37F màu hồng, số seri c9a28f89 (của Phạm Văn K); 01 (một) điện thoại Iphone 7Plus, màu hồng, seri F2LTRNFRHG07 (của Lê Văn V1); 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh, số seri 358253048615119 (của Lê Văn V); 01 (một) giá đỡ bằng gỗ, màu nâu; 01 (một) cục sạc dự phòng có ghi dòng chữ ARUN (của Phạm Văn K); 01 (một) cục sạc dự phòng có ghi dòng chữ hoco; 01 (một) cây viết mực màu đỏ; 01 (một) dây cáp điện thoại màu xanh; 02 (hai) dây cáp điện thoại màu trắng; 01 (một) đầu sạc điện thoại có ghi dòng chữ OPPO; Tiền Việt Nam: 43.980.000 đồng (thu trên người Lê Văn V1 39.120.000 đồng; Lý Văn C giao nộp 520.000 đồng; thu trên chiếu bạc 4.340.000 đồng).

Tại Bản Cáo trạng số 85/CT-VKSAP ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố các bị cáo Lê Văn V, Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần theo Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 28/2023/HSST-QĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 95/2023/HSST-QĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo không có ý kiến đối với nội dung Cáo trạng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Lê Văn V1 có yêu cầu được nhận lại số tiền 39.120.000 đồng và 01 (một) điện thoại Iphone 7Plus do do không liên quan đến hành vi đánh bạc của bị cáo. Các bị cáo Lê Văn V, Phạm Văn K, Lê Minh N không có yêu cầu nào khác.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Xác định hành vi của các bị cáo Lê Văn V, Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, khẳng định Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật nên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo tại phiên tòa.

Về vai trò đồng phạm, đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đề nghị xem xét áp dụng cho bị cáo V các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xem xét áp dụng cho các bị cáo Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Văn V bằng mức hình phạt tạm giam, áp dụng hình phạt bổ sung 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Văn V1 từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Lê Minh N từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng cho đến 24 (hai mươi bốn) tháng cho mỗi bị cáo. Áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo V1, N, K mỗi bị cáo 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đều vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người

tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, các bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này. Xét việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Lời nhận tội của các bị cáo Lê Văn V, Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Ngày 18/9/2022, Lê Văn V, Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N hùn nhau nhận đặt cược với các “con bạc” tham gia đá gà qua mạng, số tiền các “con bạc” tham gia tổng cộng từng trận từ 500.000 đồng đến 3.600.000 đồng. Các “con bạc” tham gia gồm: Lý Văn C (M), Diệp Văn T6, Phạm Văn H (T7), Võ Văn P1, Trương Văn Đ (Đoan), T8 (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể), đặt cược tổng cộng 22 trận với tổng số tiền 37.940.000 (ba mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng (bao gồm số tiền 4.340.000 đồng thu trên chiếu bạc và số tiền 33.600.000 đồng thể hiện trong phơi thu giữ khi bắt quả tang mà các con bạc tham gia đánh bạc nhưng chưa chung chi).

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng được pháp luật điều chỉnh. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền là hành vi vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Văn V, Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Tệ nạn cờ bạc là khởi đầu của sự mất ổn định tình hình an ninh trật tự, sau đó dẫn đến sự gia tăng của nhiều loại tội phạm khác và gây bức xúc trong dư

luận xã hội. Lẽ ra các bị cáo nên chuyên tâm lao động để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và chăm lo cho gia đình nhưng vì ham mê cờ bạc nên các bị cáo đã thực hiện hành vi “Đánh bạc”. Từ những phân tích, Hội đồng xét xử nhận thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa ngày hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về vai trò đồng phạm trong vụ án, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự câu kết chặt chẽ và phân chia vai trò cụ thể, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành nên được xem là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo Lê Văn V là người lôi kéo, rủ rê các bị cáo khác tham gia vào việc đánh bạc. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Văn V đã bị khởi tố về hành vi đánh bạc của lần đánh bạc ngày 12/7/2022. Trong giai đoạn điều tra thì ngày 18/9/2022 bị cáo lại tiếp tục đánh bạc nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Lê Văn V: Trong thời gian cơ quan chức năng lập hồ sơ xử lý về hành vi đánh bạc ngày 12/7/2022 thì V lại lôi kéo, rủ rê N, V1, K tiếp tục tham gia đánh bạc. Do đó, bị cáo được xem là có nhân thân xấu. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Đối với các bị cáo Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N: Trước khi phạm tội, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo Lê Văn V1, Lê Minh N thuộc thành phần lao động nghèo, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo Lê Văn V1 và bị cáo Phạm Văn K là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ; bị cáo Lê Minh N có ông, bà ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; bị cáo Phạm Văn K có ông, bà ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến

hạng Nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

[7] Về hình phạt chính:

Sau khi xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò đồng phạm của từng bị cáo cũng như sự cần thiết đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, thấy rằng:

Bị cáo Lê Văn V là người cầm đầu, lôi kéo, rủ rê, xúi giục các bị cáo khác tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra hành vi “Đánh bạc”, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi “Đánh bạc”. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính xem thường pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đã bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 28/7/2023, trong quá trình tạm giam bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo cũng chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quá trình áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt áp dụng đối với bị cáo, đó là áp dụng mức hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam đối với bị cáo.

Các bị cáo Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N đều có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án tiền sự, có địa chỉ cư trú rõ ràng và trong thời gian được tại ngoại các bị cáo đều chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được xem xét trước đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể để các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Việc để các bị cáo tự cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương đồng thời cũng giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt bị cáo Lê Văn V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Phạt các bị cáo Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với mỗi bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) cặp cửa gà, đã qua sử dụng; 01 (một) giá đỡ bằng gỗ, màu nâu; 01 (một) cây viết mực màu đỏ do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A16 màu xanh, số seri SW5TIRHMW8DAE6QG, điện thoại đã qua sử dụng của Lê Minh N; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu hồng, số seri CY9TS4H699999999 và 01 điện thoại hiệu OPPO A37F màu hồng, số seri c9a28f89 đã qua sử dụng của Phạm Văn K; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh, số seri 3582.5304.8615.119 đã qua sử dụng của Lê Văn V; 01 (một) cục sạc dự phòng có ghi dòng chữ ARUN (của Phạm Văn K); 01 (một) cục sạc dự phòng có ghi dòng chữ hoco; 01 (một) dây cáp điện thoại màu xanh; 02 (hai) dây cáp điện thoại màu trắng; 01 (một) đầu sạc điện thoại có ghi dòng chữ OPPO; số tiền 520.000 đồng do Lý Văn C giao nộp; số tiền 4.340.000 đồng thu trên chiếu bạc do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc.

- Trả lại Lê Văn V1 tiền Việt Nam 39.120.000 (ba mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, seri F2LTRNFRHG07, đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[10] Về các biện pháp tư pháp:

Buộc Phạm Văn H (T7) phải giao nộp số tiền 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng chưa chung chi với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc Võ Văn P1 phải giao nộp số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng chưa chung chi với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc Lý Văn C (L) phải giao nộp số tiền 4.600.000 (bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng chưa chung chi với các bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra Lý Văn C đã giao nộp số tiền 520.000 đồng nên C còn phải giao nộp số tiền 4.080.000 (bốn triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc Trương Văn Đ (Đ1) phải giao nộp số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng chưa chung chi với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Duy K1 cùng các đối tượng có liên quan ngày 12/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A đã tách ra để xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo Quyết định tách vụ án số 01 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với Lý Văn C (M), Diệp Văn T6, Phạm Văn H (T7), Võ Văn P1 tham gia đánh bạc nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A chuyển xử phạt hành chính là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với Trương Văn Đ (Đoan), việc Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát xác định Trương Văn Đ có tham gia đặt cược nhưng số tiền từng trận tham gia chưa đủ định lượng nên đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính là chưa phù hợp. Bởi trong ngày 18/9/2022 Trương Văn Đ có tham gia 10 trận với tổng số tiền là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Do đó hành vi của Đ được xác định đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Việc bỏ lọt tội phạm Tòa án đã trả điều tra bổ sung 2 lần. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đ.

Đối tượng tên T8 có tham gia đặt cược 10 trận với tổng số tiền là 17.600.000 (mười bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng. Tuy nhiên, không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể; Trương Hoài T9 không thừa nhận thừa nhận tham gia đánh bạc. Từ đó chưa đủ căn cứ để quy kết. Do đó, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Các bị can xác định tham gia đánh bạc vào ngày 17/9/2022. Tuy nhiên không xác định được những người tham gia đánh bạc, cũng như số tiền thực tế tham gia đánh bạc. Từ đó chưa đủ căn cứ để quy kết. Do đó, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[13] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Duy K1, ông Lý Văn C (L), ông Diệp Văn T6, ông Phạm Văn H (T7), ông Trương Văn Đ (Đoan), ông Võ Văn P1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn V, Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N phạm tội “Đánh bạc”;

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Lê Văn V hình phạt tù bằng với thời gian tạm giam là 08 (tám) tháng 13 (mười ba) ngày (đã chấp hành xong).

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lê Văn V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2.2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Lê Văn V1: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính kể từ ngày tuyên án ngày 25/4/2024 (ngày hai mươi lăm tháng tư năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn).

Giao bị cáo Lê Văn V1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lê Văn V1 số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2.3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Phạm Văn K: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính kể từ ngày tuyên án ngày 25/4/2024 (ngày hai mươi lăm tháng tư năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn).

Giao bị cáo Phạm Văn K cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Văn K số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2.4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Lê Minh N: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính kể từ ngày tuyên án ngày 25/4/2024 (ngày hai mươi lăm tháng tư năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn).

Giao bị cáo Lê Minh N cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lê Minh N số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) cặp cửa gà, đã qua sử dụng; 01 (một) giá đỡ bằng gỗ, màu nâu; 01 (một) cây viết mực màu đỏ.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A16 màu xanh, số seri SW5TIRHMMW8DAE6QG, điện thoại đã qua sử dụng của Lê Minh N; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu hồng, số seri CY9TS4H699999999 và 01 điện thoại hiệu OPPO A37F màu hồng, số seri c9a28f89 đã qua sử dụng của Phạm Văn K; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh, số seri 3582.5304.8615.119 đã qua sử dụng của Lê Văn V; 01 (một) cục sạc dự phòng có ghi dòng chữ ARUN (của Phạm Văn K); 01 (một) cục sạc dự phòng có ghi dòng chữ hoco; 01 (một) dây cáp điện thoại màu xanh; 02 (hai) dây cáp điện thoại màu trắng; 01 (một) đầu sạc điện thoại có ghi dòng chữ OPPO; số tiền 520.000 đồng do Lý Văn C giao nộp; số tiền 4.340.000 đồng thu trên chiếu bạc.

- Trả lại Lê Văn V1 tiền Việt Nam 39.120.000 (ba mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, seri F2LTRNFRHG07, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

- Buộc Phạm Văn H (T7) phải giao nộp số tiền 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng chưa chung chi với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc Võ Văn P1 phải giao nộp số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng chưa chung chi với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc Lý Văn C (L) phải giao nộp số tiền 4.600.000 (bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng chưa chung chi với các bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra Lý Văn C đã giao nộp số tiền 520.000 (năm trăm hai mươi nghìn) đồng nên C còn phải giao nộp số tiền 4.080.000 (bốn triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc Trương Văn Đ (Đ1) phải giao nộp số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng chưa chung chi với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo Lê Văn V, Lê Văn V1, Phạm Văn K, Lê Minh N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Duy K1, ông Lý Văn C (L), ông Diệp Văn T6, ông Phạm Văn H (T7), ông Trương Văn Đ (Đoan), ông Võ Văn P1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (4);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (6);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Phạm Tuấn**